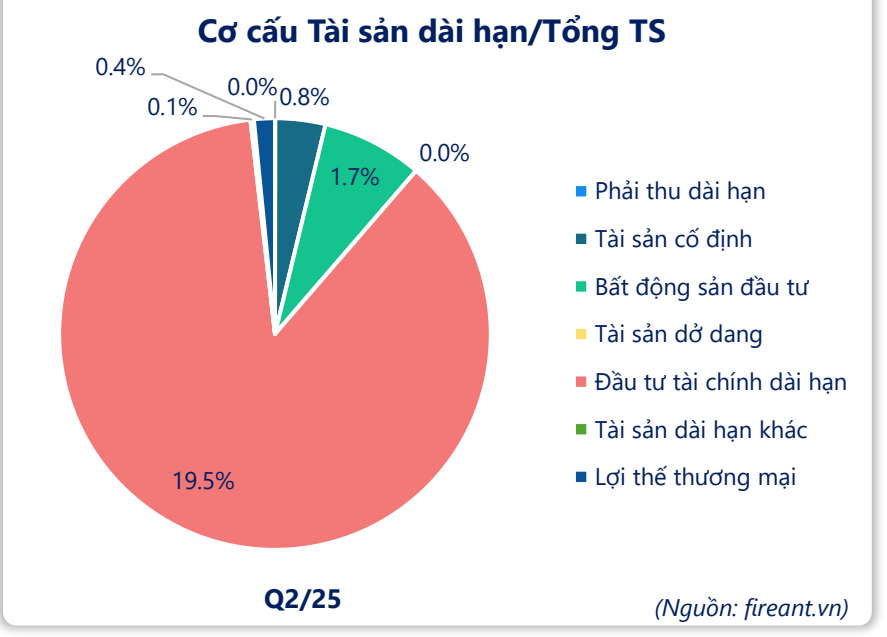
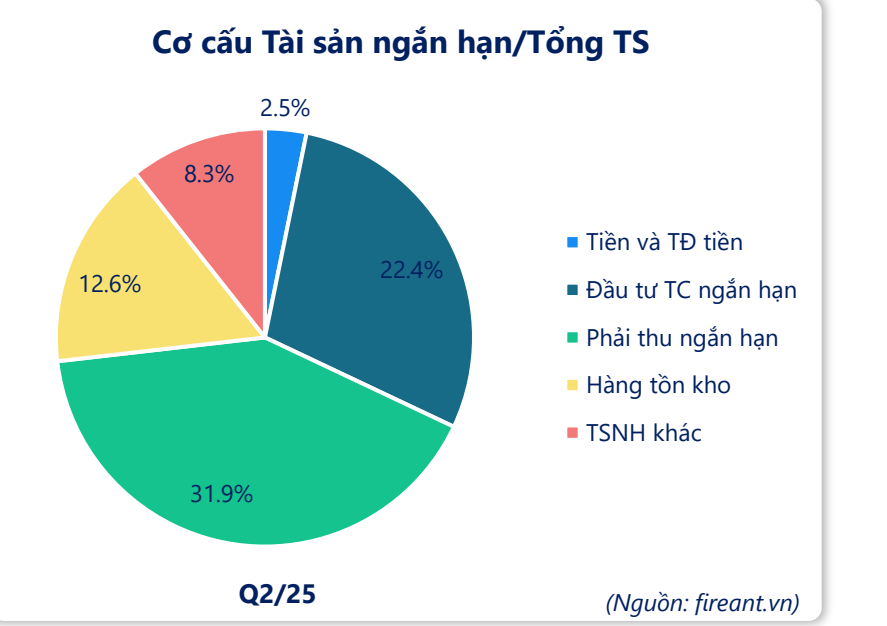
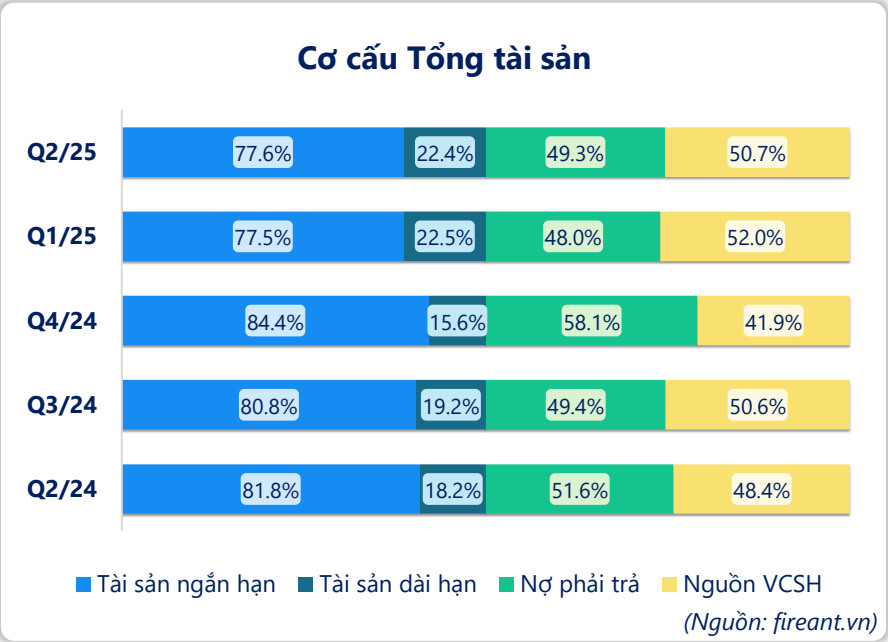
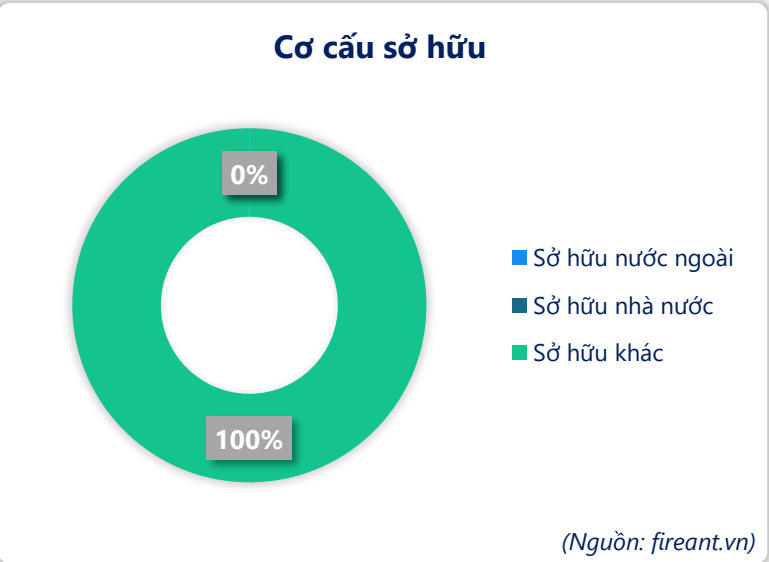
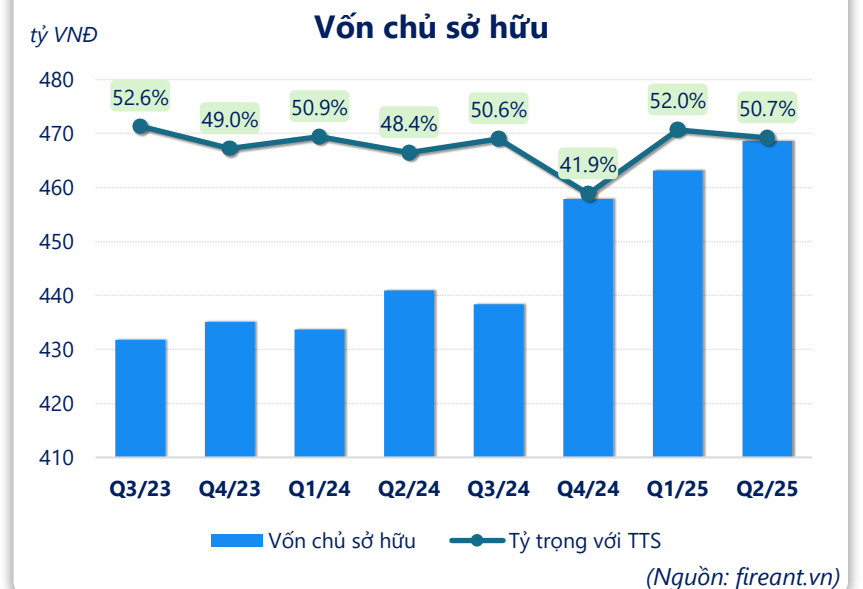
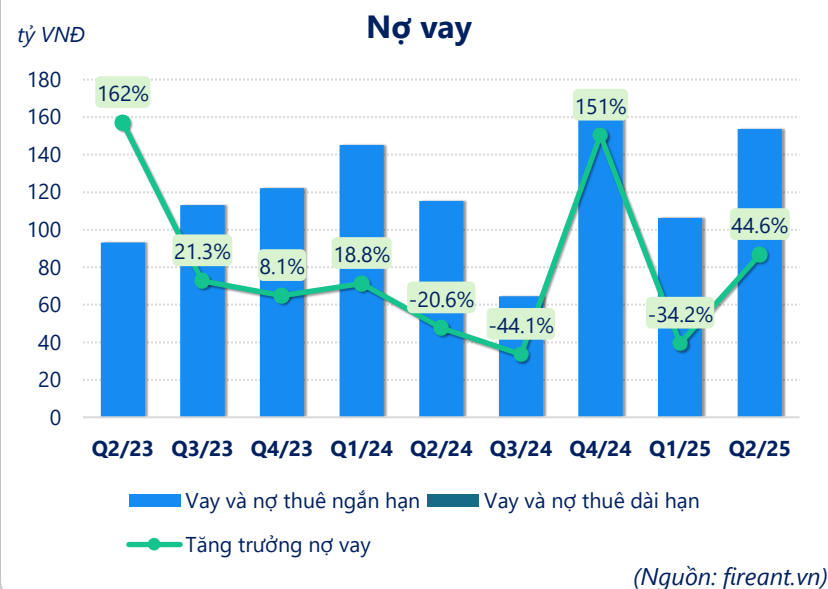
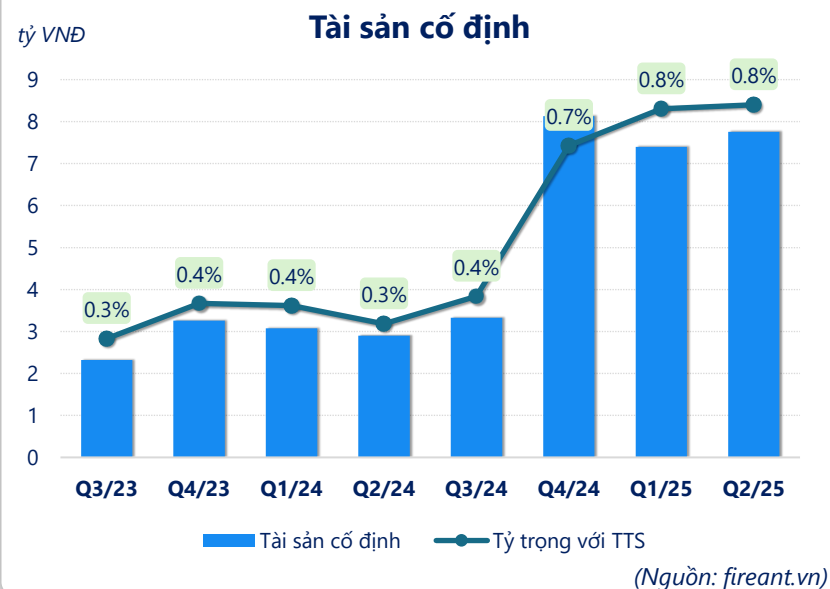
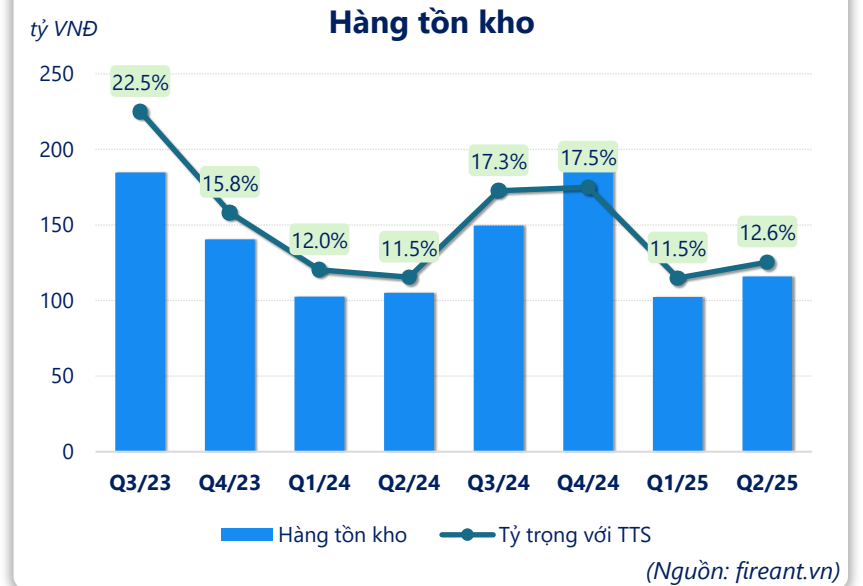
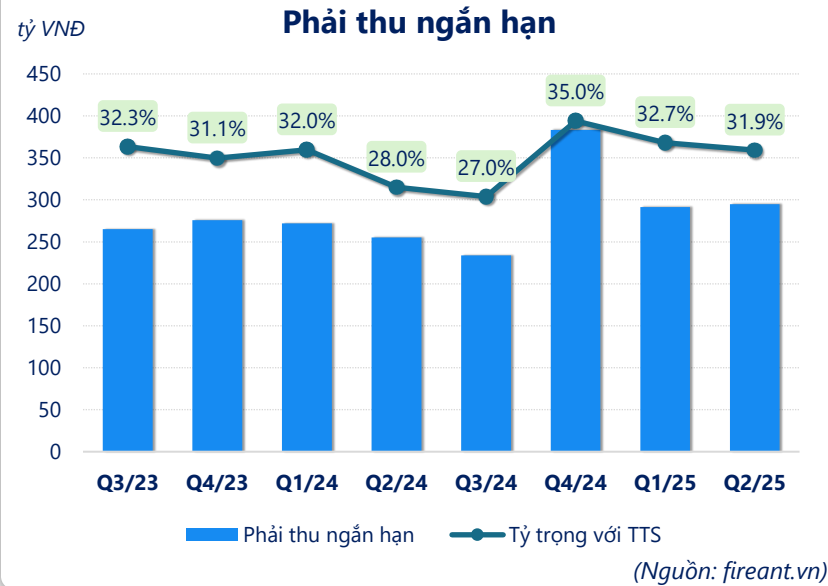
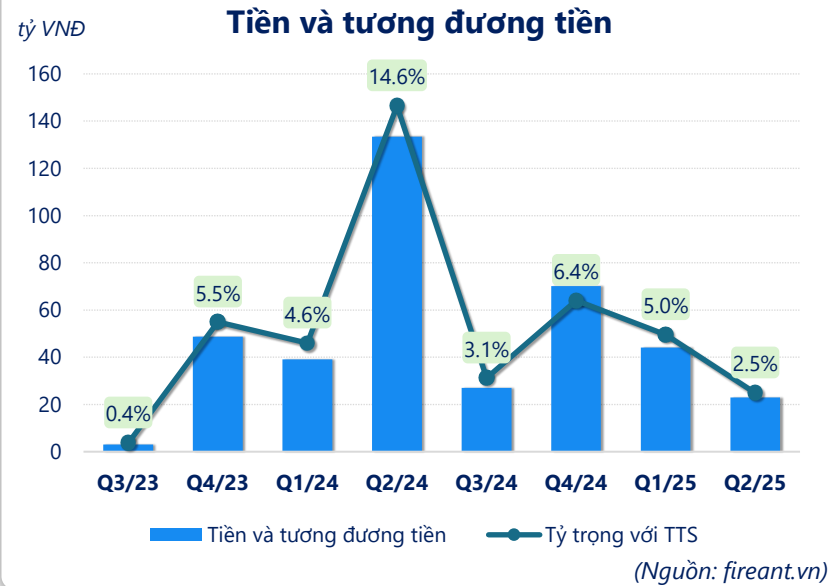
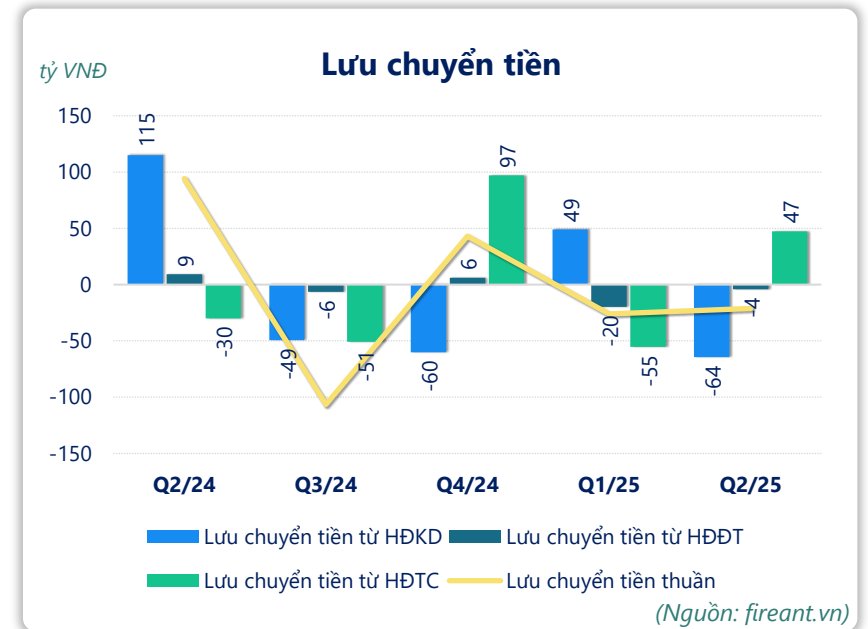
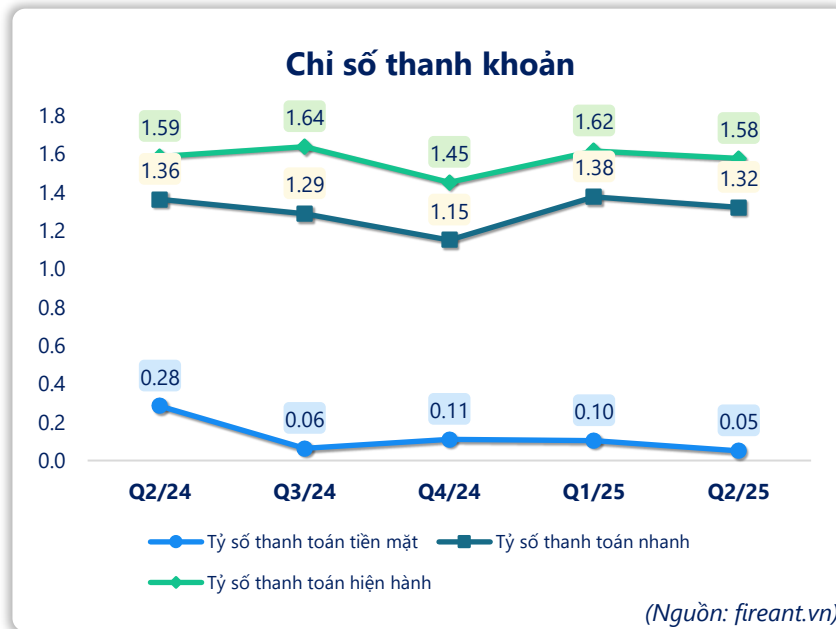
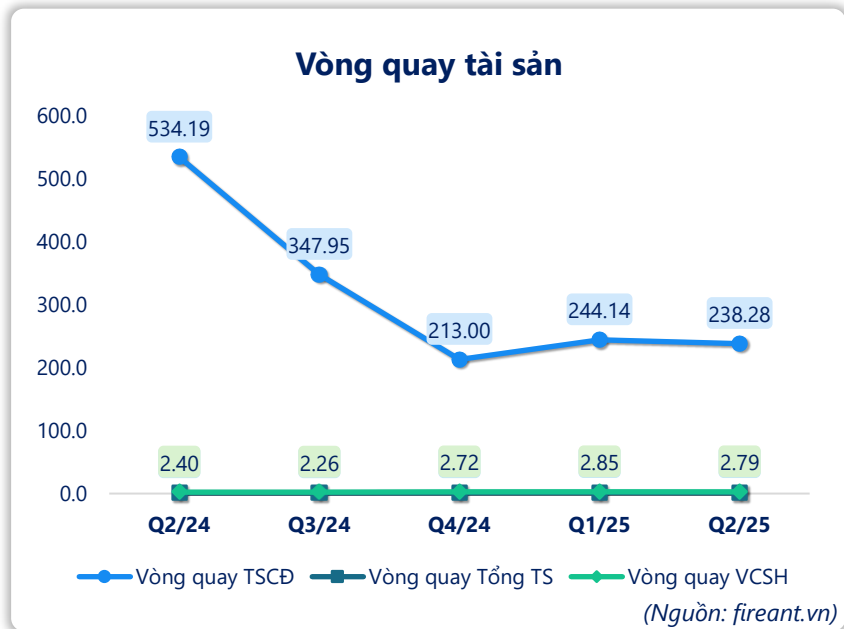
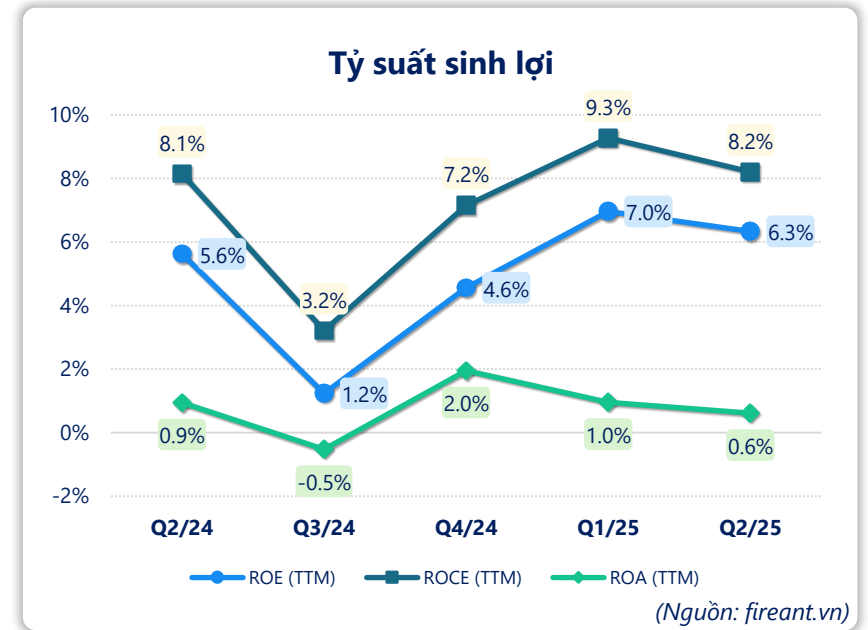
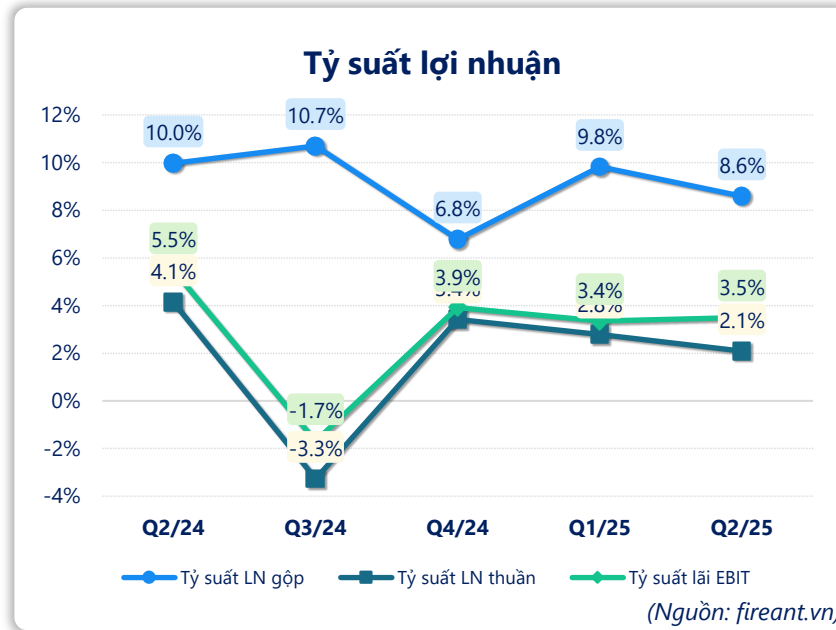
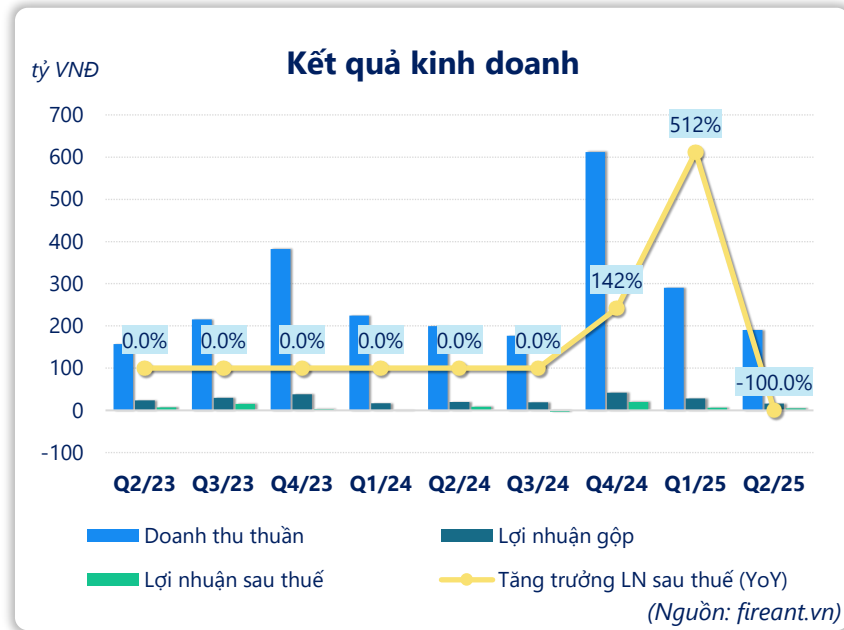


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,200
SL cổ phiếu LH		22,559,030
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,855
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		311
P/E		10.8
EPS		1,277

	YTD	1T	3T	6T
HIG	22.1%	7.8%	-4.8%	25.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	924	1,094	-15.6%
Tài sản ngắn hạn	716	923	-22.4%
Tiền và tương đương tiền	23.0	70.1	-67.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	207	183	12.9%
Phải thu ngắn hạn	295	383	-23.0%
Hàng tồn kho	116	192	-39.5%
Tài sản ngắn hạn khác	76.2	95.5	-20.2%
Tài sản dài hạn	207	171	21.2%
Phải thu dài hạn	0.05	0.06	-22.0%
Tài sản cố định	7.76	8.13	-4.6%
Bất động sản đầu tư	15.7	15.7	0.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	180	96.4	86.5%
Tài sản dài hạn khác	0.53	50.6	-99.0%
Lợi thế thương mại	3.24	0	
Nợ phải trả	455	636	-28.5%
Nợ ngắn hạn	454	636	-28.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	154	162	-4.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	153	275	-44.4%
Nợ dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	469	458	2.3%
Vốn chủ sở hữu	469	458	2.3%
Vốn điều lệ	226	226	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	199	176	612	291	190
Giá vốn hàng bán	179	158	571	262	174
Lợi nhuận gộp	19.8	18.9	41.5	28.5	16.3
Doanh thu HĐTC	11.0	7.56	2.14	1.18	13.0
Chi phí TC	8.57	6.47	2.34	7.02	7.92
Chi phí lãi vay	1.75	1.90	1.78	0.73	1.83
LN trong công ty LKLD	0	0	0	-0.61	-0.61
Chi phí bán hàng	11.1	8.81	9.38	16.2	11.2
Chi phí QLDN	2.89	16.9	11.0	-2.23	5.65
LN thuần từ HĐKD	8.24	-5.77	20.9	8.10	3.98
Lợi nhuận khác	0.93	0.89	1.23	0.92	0.85
LN trước thuế	9.17	-4.88	22.2	9.02	4.84
Lợi nhuận sau thuế	8.64	-3.92	19.5	6.26	4.84
LNST của CĐ cty mẹ	7.98	-4.42	19.3	8.32	5.58

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	115	-49.3	-60.1	49.0	-64.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	9.12	-6.32	6.14	-19.9	-4.20
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.9	-50.8	97.1	-55.2	47.4
Tiền đầu kỳ	39.2	133	27.0	70.1	44.1
Lưu chuyển tiền thuần	94.3	-106	43.1	-26.0	-21.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.02	0.02	0.01	0.04
Tiền cuối kỳ	133	27.0	70.1	44.1	23.0

(Nguồn: fireant.vn)